

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/03/2026

"V/v ly hôn, nuôi

con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quế
2. Bà Lê Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 06/2026/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm: 1997 (có mặt).

Trú tại: **Xóm X, xã Đ, tỉnh Nghệ An.**

- Bị đơn: Anh **Trương Đình H**, sinh năm: 1989 (có mặt).

Trú tại: **Xóm X, xã Đ, tỉnh Nghệ An.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn, bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị **Lê Thị T** trình bày:*

+ Về hôn nhân: Chị và anh **Trương Đình H** có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại **UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An** (Nay là **UBND xã Đ, tỉnh Nghệ An**) hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2023 do bất đồng quan điểm sống, anh **H** thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm và đánh đập chị. Sau nhiều lần hoà giải thì vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống

nhưng không tìm được tiếng nói chung, đỉnh điểm đến ngày 28/10/2025 có xảy ra mâu thuẫn, anh **H** có đánh đập chị và chị đã nhờ Công an xã **Đ** lập hồ sơ, giải quyết. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với anh **Trương Đình H.**

+ Về con chung: chị và anh **H** có 01 con chung là **Trương Thị Quỳnh C**, sinh ngày 28/11/2021. Chị **T** có nguyện vọng nuôi cháu **C** và không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị **T** và anh **H** tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn anh **Trương Văn H1** trình bày:*

+ Về hôn nhân: Anh **H1** và chị **Lê Thị T** có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại UBND xã **N**, thị xã **T**, tỉnh **Nghệ An** (Nay là xã **Đ**, tỉnh **Nghệ An**) trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn về cách sống, việc nuôi con và thái độ đối xử với nhau trong gia đình; anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị **Lê Thị T**.

+ Về con chung: Có 01 con chung là **Trương Thị Quỳnh C**, sinh ngày 28/11/2021; anh có nguyện vọng nuôi cháu **C** và không yêu cầu chị **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh **H1** và chị **T** tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An thu thập gồm:

Biên bản xác minh tại địa phương nơi chị **T** và anh **H1** cư trú về tình trạng hôn nhân; người đang trực tiếp nuôi con, nguyên nhân tranh chấp, mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **H1**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân gia đình; ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **T** và anh **H1**.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị **Lê Thị T** trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng một con chung của chị **T** và Anh **H1** là **Trương Thị Quỳnh C**, sinh ngày 28/11/2021 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: chị **T** không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh **H1** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, cản trở.

Về chia tài sản chung: Chị **T** và anh **H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị **Lê Thị T** yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh **Trương Đình H**; anh **H** hiện đăng ký thường trú tại **Xóm X, xã Đ, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

Chị **T** và anh **H** không thoả thuận được về việc nuôi con chung nên Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại các Điều 48, Điều 203 và Điều 220 - Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị **T** và anh **H** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn nên hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và việc chăm sóc con chung. Mặt khác tại biên bản xác

minh về tình trạng hôn nhân giữa chị **T** và anh **H** tại địa phương cũng đã xác định được chị **T** và anh **H** có mâu thuẫn, đã sống ly thân, điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị **T** và anh **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **T** đề nghị ly hôn thì anh **H** đồng ý. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thoả thuận ly hôn giữa chị **T** và anh **H** như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An là có căn cứ.

[2.2]. *Về nuôi con chung*: Chị **T** và anh **H** đều có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu **C** còn nhỏ, là con gái, để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên cũng như sự phát triển toàn diện về mặt tâm sinh lý thì cần giao cháu **C** cho chị **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4]. *Về chia tài sản*: Chị **T** và anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.5]. *Về án phí*: Buộc chị **T** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận ly hôn giữa chị **Lê Thị T** và anh **Trương Đình H**.

2. *Về nuôi con chung*:

Giao cho chị **Lê Thị T** trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng một con chung của chị **T**, anh **H** là **Trương Thị Quỳnh C**, sinh ngày 28/11/2021 cho đến lúc các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành;

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **T** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Anh **H** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc có lý do chính đáng, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản chung*: Anh **H** và chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. *Về án phí*: Chị **Lê Thị T** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị **T** đã nộp đủ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền số 0000100 ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Đông Hiếu (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngoan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngoan

